

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 19/6/2020

Về việc: “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức.

2. Bà Lê Thị Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Huỳnh V. D, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ , ấp TB, xã VT, huyện TS, tỉnh An Giang. (Có mặt).

*** Bị đơn:** Bà UônI Thị N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp TĐ, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh V. D trình bày như sau:* Ông và bà UônI Thị N chung sống với nhau năm 2009, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 07/01/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông nhận thấy vợ chồng không còn duyên nợ với nhau nữa nên ông bỏ nhà đi từ tháng 12/2011 và vợ chồng ly thân tới nay. Nay thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng ông bà có 01 con chung tên Huỳnh Phú S, sinh ngày 27/11/2011, hiện nay đang sống bà N. Nếu ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay điều kiện kinh tế ông không có khả năng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định giữa ông và bà N không có nợ chung.

Bị đơn bà Uônl Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử, công bố biên bản lấy lời khai của bà N ngày 28/4/2020 (tại nhà bà N): Bà N trình bày như sau: Bà và ông Huỳnh V. D kết hôn với nhau năm 2010, hôn nhân tự nguyện, lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Óc Eo năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khi bà sinh con được 1 tháng tuổi thì hai vợ chồng ly thân tới nay. Nguyên nhân do ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay ông D yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Phú S, sinh ngày 27/11/2011, bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Ông D được ly hôn bà N. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Phú S cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông D không cấp

dưỡng nuôi con, nếu bà N có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Ông D yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Uônl Thị N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông D và bà N chung sống với nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 07/01/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng ông D và bà N phát sinh mâu thuẫn, ông D xin ly hôn nên Tòa án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông nhận thấy vợ chồng không còn duyên nợ với nhau nữa nên ông bỏ nhà đi từ tháng 12/2011 và vợ chồng ly thân tới nay. Bà N trình bày do ông D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông D. Xét thấy, hôn nhân giữa ông D và bà N thực tế đã không còn tồn tại, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông D được ly hôn với bà N.

[2.2] Về con chung:

Vợ chồng ông bà có 01 con chung tên Huỳnh P. S, sinh ngày 27/11/2011. Nếu được ly hôn, ông D đồng ý giao con chung cho bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, thời gian ly thân, cháu S được bà N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường và yêu cầu nuôi con của bà N là phù hợp với ý kiến của ông D và cháu S cũng có nguyện vọng được sống với bà N. Xuất phát từ lợi ích

mọi mặt của cháu S theo khoản 1, khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Toà thấy cần giao cháu S cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2020, bà N có yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật nhưng ông D không đồng ý vì do điều kiện kinh tế hiện nay ông không có. Do bà N không có đơn yêu cầu đối với phần yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà N không được Hội đồng xét xử xem xét. Nếu bà N có yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà N phải tạo điều kiện cho ông D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông D không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa ông D và bà N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh V. D.

* Về hôn nhân: Ông Huỳnh V. D được ly hôn với bà Uônł Thị N. Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 07/01/2010 do Ủy ban nhân dân thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang cấp cho ông Huỳnh V. D và bà Uônł Thị N không còn giá trị pháp lý.

* Về con chung: Giao cháu Huỳnh P.S, sinh ngày 27/11/2011 cho bà Uônł Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu bà N có yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về án phí sơ thẩm: Ông Huỳnh V. D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000737 ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà N không phải nộp án phí.

Ông D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.TS;
- Chi cục THADS h.TS;
- UBND thị trấn OE;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND h.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn.
- UBND xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa